

UBND PHƯỜNG HỒNG QUANG
TRƯỜNG MẦM NON NGHĨA AN

Ngày 15 tháng 04 năm 2026

I. THỰC ĐƠN

Bữa chính buổi trưa (NT+MG)	Bữa phụ NT	Bữa phụ MG	Bữa chính chiều (NT)
Cơm gạo tám	Sữa bột Nuvi	Sữa bột Nuvi Grow School	Miến bánh đa thịt gà rau cải ngọt mùi tàu
Thịt nạc, thịt lợn đim nấm hương hành hoa	Grow	Miến bánh đa thịt gà rau cải ngọt mùi	
Bắp cải, cà rốt xào thịt bò hành hoa	School		
Canh mồng tơi, mướp nấu cua			

II. TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI:

STT	DIỄN GIẢI	SỐ XUẤT ĂN	TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI		GHI CHÚ
			Tiền (đồng)	Tổng số (đồng)	
1	CƠM MẪU GIÁO	181	20,000	3,620,000	
2	CƠM NHÀ TRẺ	49	20,000	980,000	
	TỔNG	230		4,600,000	

III. PHẦN THỰC PHẨM TRONG NGÀY

SỐ TT	TÊN THỰC PHẨM	ĐƠN GIÁ	MẪU GIÁO		CƠM NHÀ TRẺ		TỔNG SỐ LƯỢNG	CỘNG TIỀN (đồng)
			SL (kg)	Tiền (đồng)	SL (kg)	Tiền (đồng)		
1	Gạo tám	21000	14.1	296100	2.9	60900	17	357000
2	Thịt nạc	140000	3.9	546000	0.8	112000	4.7	658000
3	Thịt mông	140000	5.5	770000	1.1	154000	6.6	924000
4	Nấm hương	310000	0.16	49600	0.04	12400	0.2	62000
5	Bắp cải	16000	5.7	91200	0.4	6400	6.1	97600
6	Cà rốt	20000	1	20000	0.2	4000	1.2	24000
7	Thịt bò	285000	0.8	228000	0.2	57000	1	285000
8	Mồng tơi	25000	2.6	65000	0.3	7500	2.9	72500
9	Mướp	30000	0.4	12000	0.1	3000	0.5	15000
10	Cua đồng	170000	1.7	289000	0.3	51000	2	340000
11	Bánh đa	38000	3.7	140600	0.9	34200	4.6	174800
12	Thịt gà	75000	1.9	142500	2.6	195000	4.5	337500
13	Cải ngọt	25000	0.8	20000	0.2	5000	1	25000
14	Hành hoa	40000	0.08	3200	0.02	800	0.1	4000
15	Mùi tàu	50000	0.08	4000	0.02	1000	0.1	5000
16	Sữa bột Nuvi	260000	3	780000	0.9	234000	3.9	1014000
17	Dầu ăn	75000	1.4	105000	0.4	30000	1.8	135000
18	Nước mắm	40000	0.5	20000	0.1	4000	0.6	24000
19	Hành khô	35000	0.08	2800	0.02	700	0.1	3500
20	Muối	6500	0.3	1950	0.1	650	0.4	2600
21	Hạt nêm	71000	0.5	35500	0.1	7100	0.6	42600
	Cộng tiền			3622450		980650		4603100

IV. PHẦN QUYẾT AN TRONG NGÀY

- Số tiền được chi: 4,600,000
- Số tiền đã chi: 4603100
- Số tiền còn thừa:
- Số tiền còn thiếu: -3,100

Ngày 15 tháng 04 năm 2026

I. THỰC ĐƠN

Bữa chính buổi trưa (NT+MG)	Bữa phụ NT	Bữa phụ MG	Bữa chính chiều (NT)
Cơm gạo tằm	Sữa bột Nuvi Grow School	Sữa bột Nuvi Grow School	Miễn bánh đa thịt gà rau cải ngọt mùi tàu
Thịt nạc, thịt lợn dim nầm hương hành hoa		Miễn bánh đa thịt gà rau cải ngọt mùi tàu	
Bắp cải, cà rốt xào thịt bò hành hoa			
Canh mồng toi, mướp nấu cua			

II. TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI:

STT	DIỄN GIẢI	SỐ XUẤT ĂN	TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI		GHI CHÚ
			Tiền (đồng)	Tổng số (đồng)	
1	CƠM MẪU GIÁO	177	20,000	3,540,000	
2	CƠM NHÀ TRÉ	53	20,000	1,060,000	
	TỔNG	230		4,600,000	

III. PHÂN THỰC PHẨM TRONG NGÀY

SỐ TT	TÊN THỰC PHẨM	ĐƠN GIÁ	MẪU GIÁO		CƠM NHÀ TRÉ		TỔNG SỐ LƯỢNG	CỘNG TIỀN (đồng)
			SL (kg)	Tiền (đồng)	SL (kg)	Tiền (đồng)		
1	Gạo tằm	21000	13.8	289800	3.2	67200	17	357000
2	Thịt nạc	140000	3.8	532000	1	140000	4.8	672000
3	Thịt mông	140000	5.4	756000	1.2	168000	6.6	924000
4	Nấm hương	310000	0.16	49600	0.04	12400	0.2	62000
5	Bắp cải	16000	5.5	88000	0.5	8000	6	96000
6	Cà rốt	20000	1	20000	0.3	6000	1.3	26000
7	Thịt bò	285000	0.8	228000	0.2	57000	1	285000
8	Mồng toi	25000	2.4	60000	0.5	12500	2.9	72500
9	Mướp	30000	0.4	12000	0.1	3000	0.5	15000
10	Cua đồng	170000	1.6	272000	0.3	51000	1.9	323000
11	Bánh đa	38000	3.5	133000	1	38000	4.5	171000
12	Thịt gà	75000	1.7	127500	2.8	210000	4.5	337500
13	Cải ngọt	25000	0.8	20000	0.3	7500	1.1	27500
14	Hành hoa	40000	0.08	3200	0.02	800	0.1	4000
15	Mùi tàu	50000	0.08	4000	0.02	1000	0.1	5000
16	Sữa bột Nuvi	260000	3	780000	0.9	234000	3.9	1014000
17	Dầu ăn	75000	1.4	105000	0.4	30000	1.8	135000
18	Nước mắm	40000	0.5	20000	0.1	4000	0.6	24000
19	Hành khô	35000	0.08	2800	0.02	700	0.1	3500
20	Muối	6500	0.3	1950	0.1	650	0.4	2600
21	Hạt nêm	71000	0.5	35500	0.1	7100	0.6	42600
	Cộng tiền			3540350		1058850		4599200

IV. PHÂN QUYẾT ÁN TRONG NGÀY

- Số tiền được chi: 4,600,000
- Số tiền đã chi: 4599200
- Số tiền còn thừa:
- Số tiền còn thiếu: 800